

Bản án số: 86/2019/HS-ST
Ngày 23-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Hồng

Ông Trần Văn Hưng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Hiếu- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Trụ sở Nhà văn hóa xã Phú Hưng, thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2019/HSST ngày 17 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THANH T, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 38, ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1943 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1952; Bản thân bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2007/HSST ngày 13/6/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố BT) đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 173/2012/HSPT ngày 30/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự;

Tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2019 cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

2. LÂM PHÁT Đ, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 513D, ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lâm L, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1970; Bản thân bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2019 cho đến nay; Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

3. NGUYỄN VĂN N, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10/3, ấp PC, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; Sống chung như vợ chồng với: Trần Thị T, sinh năm 1995; Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án: không;

Tiền sự: Tại Quyết định số 08/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2019, bị cáo đã bị Công an xã Phú Hưng, thành phố BT, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/6/2019 cho đến nay; Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

** Bị hại:*

- Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 43C, ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lê Phan N, sinh năm 1984 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Số 11E, khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1963 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 107, ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Lê Duy C, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi cư trú: Số 107, ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1979 (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp KT, xã BH, huyện GT, tỉnh Bến Tre

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 558B, khu phố B, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

* Giám định viên: Ông Lê Thanh T - Giám định viên Phòng kỹ thuật hình sự về dấu vết đường vân thuộc Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 01/6/2019, bị cáo Nguyễn Thanh T rủ bị cáo Nguyễn Văn N đến đám tang tại nhà ông Nguyễn Văn S ở ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lấy trộm xe mô tô của khách đến viếng đám tang thì bị cáo N đồng ý và rủ thêm bị cáo Lâm Phát Đ cùng đi. Khi đi, bị cáo N mượn xe mô tô biển số 71F6-5174 của Nguyễn Lê Duy C chở bị cáo T và Đ. Đến nơi, bị cáo N ngồi trên xe mô tô ở ngoài cảnh giới, còn bị cáo T và Đ đi vào bãi gửi xe của đám tang lấy trộm của ông Huỳnh Văn S 01 xe mô tô biển số 71B3-333.51, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu trắng - đen, bên trong cốp xe có đựng 01 bóp da màu đen hiệu baellerry đựng giấy tờ tùy thân. Sau khi lấy được xe, bị cáo T cầm lái, Đ ngồi sau xe mô tô vừa lấy trộm, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 71F6-5174 đẩy chạy đi. Khi về đến gần nhà bị cáo N, bị cáo T bức dây điện khởi động được xe mô tô biển số 71B3-333.51 nên điều khiển chở bị cáo N đem xe đến cất giấu ở bờ dừa thuộc ấp 4, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để sáng lại đi lên Long An bán nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện. Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn: đen – trắng, số khung 3821GY056288, số máy JA38E0176563, biển số 71B3-333.51;

- 01 bóp da màu đen, kích thước (18x10)cm, trên bóp da có chữ baellerry;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 71B3-333.51; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe và 04 thẻ ATM đều mang tên Huỳnh Văn S.

- 01 xe mô tô biển số 71F6-5174, nhãn hiệu AMA (dáng Dream), màu nâu.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số 498/KL-HĐĐG ngày 12 tháng 06 năm 2019 của Hội đồng định giá thành phố BT kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn: đen – trắng, số khung 3821GY056288, số máy JA38E0176563, biển số 71B3-333.51, xe có hệ thống phun xăng điện tử, trị giá vào ngày 01/6/2019 là 13.250.000 đồng;

- 01 bóp da màu đen, kích thước (18x10)cm, trên bóp da có chữ baellerry, trị giá vào ngày 01/6/2019: 90.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo đã lấy trộm của bị hại Huỳnh Văn S là 13.340.000 đồng;

Ngoài ra, vào đêm ngày 07 rạng ngày 08/7/2018, bị cáo Nguyễn Thanh T đột nhập vào nhà của ông Lê Phan N ở số 11E, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, biển số 71K3-9090, số máy E435-VN103208, số khung BE4AA-030103208; 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (lắc kiểu), trọng lượng 03 chỉ 160; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24k (loại nhẫn trơn), trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (loại lắc bi), trọng lượng 1 chỉ 5; 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (loại mắc xích), trọng lượng 4 phân; 01 đôi bông tai bằng vàng 18K (loại bông trẻ em), trọng lượng 3 phân; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng 01 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng 24K (loại dây xoắn liền mặt), trọng lượng 01 chỉ 267; 01 dây chuyền bằng vàng 18K (loại dây xoắn liền mặt), trọng lượng 01 chỉ 267 và 2.000.000 đồng.

Quá trình khám nghiệm hiện trường tại nhà số 11E, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/7/2018, lực lượng Công an thu giữ: 03 dấu vết đường vân (được ký hiệu A1, A2 và A3) trên ngăn kéo của tủ kim loại - nơi để vàng, tiền bị mất.

Theo Bảng kết luận định giá trị tài sản số **853/KL-HĐĐG** ngày 08/8/2018 của Hội đồng định giá thành phố BT kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 71K3-9090, nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, số loại C110, dung tích xi lanh 90, số máy E435-VN103208, số khung BE4AA-030103208, trị giá ngày 08/7/2018: 7.200.000 đồng;

- 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (lắc kiểu), trọng lượng 03 chỉ 160, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua 7.983.740 đồng, giá bán: 8.426.140 đồng;

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24k (loại nhẫn trơn), trọng lượng 02 chỉ, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua 7.332.000 đồng, giá bán: 7.374.000 đồng;

- 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (loại lắc bi), trọng lượng 1 chỉ 5, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua 3.789.750 đồng, giá bán: 3.999.750 đồng;

- 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (loại mắc xích), trọng lượng 4 phân, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua: 1.010.600 đồng, giá bán: 1.066.600 đồng;

- 01 đôi bông tai bằng vàng 18K (loại bông trẻ em), trọng lượng 3 phân, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua: 757.950 đồng, giá bán: 799.950 đồng;

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K (loại trẻ em), trọng lượng 02 phân, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua: 505.300 đồng, giá bán: 533.300 đồng;

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng 01 chỉ, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua: 3.666.000 đồng, giá bán: 3.687.000 đồng;

- 01 đôi bông tai bằng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ 267, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua: 3.666.000 đồng, giá bán: 3.687.000 đồng;

- 01 dây chuyền bằng vàng 18K (loại dây xoắn liền mặt), trọng lượng 01 chỉ 267, trị giá tài sản ngày 08/7/2018: giá mua: 3.201.076 đồng, giá bán: 3.378.456 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà bị cáo Nguyễn Thanh T chiếm đoạt của vợ chồng ông Lê Phan Nhân là 41.112.416 đồng.

Theo Kết luận giám định số 23/2018/GĐĐV ngày 09/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vết đường vân ký hiệu A1, A2 với điểm chỉ ngón Trỏ phải, Giữa trái trên chỉ bản mang tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, nơi ĐKTT: 38 ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (ký hiệu M1) nêu tại mục II.2 là do một người để lại.

Theo Kết luận giám định lại số 1047/PC09 ngày 27/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

- Dấu vết vân tay thu ở hiện trường vụ “Trộm cắp tài sản” xảy ra ngày 08/7/2018 tại nhà số 11E, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có ký hiệu A1, A2 với vân tay ngón trỏ phải, giữa trái chỉ bản mang tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, Nơi đăng ký thường trú số 38 ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (ký hiệu M1) xác định là của cùng một người in ra.

- Dấu vết vân tay thu ở hiện trường vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 08/7/2018 tại nhà số 11E, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có ký hiệu A3 với vân tay in trên chỉ bản mang tên Nguyễn Thanh T – sinh năm 1986; Lê Phan Nhân, sinh năm 1984 và Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1984 không có sự đồng nhất.

Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSTPBT ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố BT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì động cơ tư lợi, các bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nên phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Tuy nhiên, xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thấy:

Bị cáo Nguyễn Thanh T vừa là người chủ mưu, rủ rê bị cáo N vừa là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo N và Đ; Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng nên phạm vào tình tiết định khung theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn N đã rủ rê bị cáo Đ và tích cực cùng các bị cáo T, Đ thực hiện hành vi tội phạm; bị cáo N đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lâm Phát Đ đã tích cực cùng các bị cáo T, N thực hiện hành vi tội phạm khi được rủ rê; Mặc dù bị cáo N không có tiền án, tiền sự nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích như trên, đề nghị: Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Phát Đ từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại ông Huỳnh Văn S xe mô tô biển số 71B3-333.51, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu trắng, đen và giấy tờ thu hồi được, hiện bị hại không yêu cầu gì thêm. Đã trao trả cho bà Lê Thị Kim T (mẹ của Nguyễn Lê Duy C) xe mô tô biển số 71F6-5174.

Bị hại ông Lê Phan N và bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá tổng cộng là 41.112.416 đồng. Bị cáo T không thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng ông N nên không đồng ý bồi thường.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo Nguyễn Thanh T không thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của vợ chồng ông N, do đó bị cáo không đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường về tài sản bị mất và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn T vắng mặt, tuy nhiên ông T đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của ông T cũng không trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Đối với vụ trộm cắp tài sản của bị hại Huỳnh Văn S thì các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả thực nghiệm điều tra, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Riêng vụ trộm cắp tài sản của vợ chồng ông Lê Phan N xảy ra ngày 08/7/2019 thì bị cáo Nguyễn Thanh T không thừa nhận. Tuy nhiên, căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả giám định dấu vân tay tại Kết luận giám định số 23/2018/GĐĐV ngày 09/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vết đường vân tay thu được tại hiện trường vụ Trộm cắp tài sản xảy ra ngày 08/7/2018 tại nhà số 11E, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có kí hiệu A1, A2 so với điểm chỉ ngón “Trỏ phải”, “Giữa trái” trên chỉ bản mang mang tên Nguyễn Thanh T là do một người để lại. Tuy nhiên, bị cáo khiếu nại, bị cáo khẳng định bị cáo không có trộm cắp tài sản của vợ chồng ông Lê Phan N xảy ra ngày 08/7/2019 nên Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành yêu cầu Công an tỉnh Tiền Giang giám định lại. Theo Kết luận giám định lại số 1047/PC09 ngày 27/8/2019 của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: Dấu vết vân tay thu ở hiện trường trên ngăn kéo của tủ kim loại - nơi để vàng, tiền bị mất có kí hiệu A1, A2 với vân tay ngón “Trỏ phải”, “Giữa trái” chỉ bản mang tên Nguyễn Thanh T xác định là của cùng một người in ra.

Tại phiên tòa, Giám định viên ông Lê Thanh T trình bày: Qua giám định dấu vết đường vân tay ký hiệu A1, A2 thu được tại hiện trường với điểm chỉ trỏ phải, giữa trái trên chỉ bản mang tên Nguyễn Thanh T là do một người in ra. Đồng thời ông cho biết khoa học đã chứng minh dấu đường vân tay của ngón tay là đặc điểm nhận biết của từng cá nhân. Dấu vân tay của mỗi người là duy nhất, không có dấu vân tay nào trùng lặp với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo T thừa nhận bị cáo không quen biết vợ chồng ông N và bị cáo không biết nhà vợ chồng ông N ở đâu, từ trước đến giờ bị cáo chưa bao giờ đến nhà vợ chồng ông N. Mặc dù bị cáo khẳng định không có lấy trộm tài sản của nhà ông N vào ngày 08/7/2018, tuy nhiên bị cáo không giải thích được tại sao trên ngăn kéo của tủ kim loại - nơi để vàng, tiền bị mất nhà ông N, tủ đặt trong phòng ngủ lại có dấu vân tay của bị cáo. Trong khi bị hại từ khi mua tủ đến nay vẫn nằm trong phòng ngủ nhà bị hại, tủ không bị hư phải sửa ở đâu. Kết quả giám định dấu vân tay bị cáo T không đồng ý nhưng cũng không yêu cầu giám định lại, không khiếu nại kết quả giám định là không đúng và cũng không biết tại sao dấu vân tay của bị cáo lại có tại hiện trường vụ án mất trộm nhà vợ chồng ông N. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo khai rằng thời điểm ngày 08/7/2018, bị cáo đang nằm điều trị tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre, tuy nhiên theo xác nhận của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu thì bị cáo T nhập viện ngày 07/12/2018 và ra viện ngày 12/12/2018. Tại phiên tòa bị cáo khai nài rằng bị cáo chỉ đề nghị Cơ quan điều tra xác định giúp bị cáo xem thời điểm bị cáo nằm viện điều trị bệnh có trùng với thời điểm mất trộm ngày 08/7/2018 hay không chứ bị cáo không khẳng định thời điểm ngày 08/7/2018 bị cáo nằm viện.

[4] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào ngày 01/6/2019, tại khu vực ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn N, Lâm Phát Đ đã có hành vi cấu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của ông Huỳnh Văn S 01 xe mô tô biển số 71B3-333.51, nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu trắng đen và 01 bốp da màu đen hiệu baellerry đựng giấy tờ tùy thân với tổng giá trị tài sản là 13.340.000 đồng. Ngoài ra, vào đêm ngày 07 rạng sáng ngày 08/7/2018, tại nhà số 11E, khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, Nguyễn

Thanh T còn một mình lén lút chiếm đoạt của vợ chồng anh Lê Phan N 01 xe mô tô biển số 71K3-9090, nhãn hiệu Suzuki Viva, màu xanh, số loại C110, dung tích xi lanh 90, số máy E435-VN103208, số khung BE4AA-030103208; 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (lắc kiểu), trọng lượng 03 chỉ 160; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24k (loại nhẫn trơn), trọng lượng 02 chỉ; 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (loại lắc bi), trọng lượng 1 chỉ 5; 01 chiếc lắc bằng vàng 18K (loại mắc xích), trọng lượng 4 phân; 01 đôi bông tai bằng vàng 18K (loại bông trẻ em), trọng lượng 3 phân; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24K (loại nhẫn trơn), trọng lượng 01 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng 24K (loại dây xoắn liền mặt), trọng lượng 01 chỉ 267; 01 dây chuyền bằng vàng 18K (loại dây xoắn liền mặt), trọng lượng 01 chỉ 267 và 2.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản mà Tiền chiếm đoạt của vợ chồng anh N là 41.112.416 đồng.

[5] Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được rằng hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng vì động cơ tư lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Huỳnh Văn S với tổng trị giá là 13.340.000 đồng; riêng bị cáo T còn chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bị hại Lê Phan N có tổng giá trị là 41.112.146 đồng. Vì vậy, Bản cáo trạng số 80/CT-VKSTPBT ngày 16/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố các bị cáo Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[6] Xét về vai trò đồng phạm, về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cho thấy:

Xét thấy đây là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người giữ vai trò đầu vụ, bị cáo rủ bị cáo N, bị cáo N rủ bị cáo P cùng nhau tìm tài sản lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo T, bị cáo Đ trực tiếp vào lấy trộm tài sản, bị cáo N thì cảnh giới cho các bị cáo lấy trộm, đã tích cực cùng nhau thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của người khác bán lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T vừa là người chủ mưu, rủ rê bị cáo N vừa là người tích cực thực hiện thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo N và Đ; Bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 50.000.000đồng. Mặc dù đối với lần trộm cắp ngày 08/7/2018, bị cáo không thừa

nhận và không đồng ý ký tên vào bất cứ biên bản nào. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N đã rủ rê bị cáo Đ và tích cực cùng các bị cáo T, Đạt thực hiện hành vi tội phạm; Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo N đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, bị cáo đang nuôi con còn nhỏ, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Lâm Phát Đ đã tích cực cùng các bị cáo T, N thực hiện hành vi tội phạm khi được rủ rê; Mặc dù bị cáo N không có tiền án, tiền sự nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã gây khó khăn trong cuộc sống và kinh tế của các bị hại, đồng thời còn gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân trong việc bảo quản tài sản của mình, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương vì vậy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như đề răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Huỳnh Văn S đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác nên ghi nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T (mẹ của Nguyễn Lê Duy C) đã nhận lại xe mô tô biển số 71F6-5174 và không có yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

Mặc dù bị cáo T không thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng ông N và không đồng ý bồi thường trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, có đủ căn cứ xác định bị cáo T là người trộm cắp tài sản của vợ chồng ông N, vì vậy buộc bị

cáo T có trách nhiệm bồi thường tài sản chiếm đoạt theo kết quả định giá tài sản tổng cộng là 41.112.416 đồng.

[11] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã giao trả cho bị hại ông Huỳnh Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn: đen – trắng, số khung 3821GY056288, số máy JA38E0176563, biển số 71B3-333.51, 01 bóp da màu nâu, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô biển số 71B3-333.51, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 04 thẻ ATM mang tên Huỳnh Văn S;

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BT đã giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim T (mẹ của Nguyễn Lê Duy C) 01 xe mô tô biển số 71F6-5174, nhãn hiệu AMA (dáng Dream) màu nâu, số khung 150FM-01028825, số máy AM 100-01028825, 01 giấy đăng ký xe mô tô số A0097239 của xe mang biển số 71F6-5174;

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T: 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Phát Đ: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2019;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông Lê Phan N và bà Nguyễn Thị Ngọc D tổng cộng số tiền là 41.112.416(bốn mươi một triệu, một trăm mười hai ngàn, bốn trăm mười sáu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Mỗi bị cáo Nguyễn Thanh T, Lâm Phát Đ và Nguyễn Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp là 2.055.620 (Hai triệu không trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi) đồng.

Trong thời hạn 15(mười lăm ngày) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Cơ quan điều tra Công an TP BT (2b);
- Cơ quan THAHS Công an TP BT (2b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (2b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã PH(3b);
- Các bị cáo, các bị hại, người CQLNVLQ(7b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

